

**BỘ Y TẾ  
ĐẠI HỌC Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 888 /ĐATS-ĐHYD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 6 năm 2022

## **ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2022**

### **I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)**

**1. Tên trường:** Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Mã trường:** YDS.

**3. Địa chỉ các trụ sở:**

*Địa chỉ trụ sở chính:* 217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

*Địa chỉ 7 khoa:*

- Khoa Y : 217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP.HCM.
- Khoa Răng Hàm Mặt : 652 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.HCM.
- Khoa Y học cổ truyền : 221B Hoàng Văn Thụ, Q. Phú Nhuận, TP.HCM.
- Khoa Dược : 41 Đinh Tiên Hoàng, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM.
- Khoa Điều dưỡng - Kỹ thuật y học: 201 Nguyễn Chí Thanh, P.12, Q.5, TP.HCM.
- Khoa Y tế công cộng : 159 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP.HCM.
- Khoa Khoa học cơ bản : 217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP.HCM.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường: [www.ump.edu.vn](http://www.ump.edu.vn)

**5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của trường (có thông tin tuyển sinh)**

**6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 028.39526076 – 028.38567645

**7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp**

<b>Lĩnh vực /Ngành đào tạo</b>	<b>Trình độ đào tạo</b>	<b>Chỉ tiêu tuyển sinh</b>	<b>Số SV trúng tuyển nhập học</b>	<b>Số SV tốt nghiệp</b>	<b>Tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm</b>
<b>Lĩnh vực sức khỏe</b>	<b>Đại học</b>	<b>2312</b>	<b>2420</b>	<b>1621</b>	<b>93.38</b>
Y khoa		400	414	564	92.17
Y học dự phòng		120	124	85	90.12
Y học cổ truyền		190	210	143	91.11
Dược học		550	574	279	92.49
Điều dưỡng		300	303	191	97.93
Hộ sinh		120	130	70	95
Dinh dưỡng		72	82	0	0
Răng - Hàm - Mặt		120	126	110	98.88
Kỹ thuật phục hình răng		40	42	26	84

Lĩnh vực /Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Kỹ thuật xét nghiệm y học		150	173	53	100
Kỹ thuật hình ảnh y học		80	96	21	94.44
Kỹ thuật phục hồi chức năng		80	93	39	90.48
Y tế công cộng		90	53	40	84.21
<b>Tổng</b>		<b>2312</b>	<b>2420</b>	<b>1621</b>	<b>93.38</b>

## 8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của trường:

<https://tinyurl.com/Deantuyensinhdaihocnam2020>

<https://tinyurl.com/Deantuyensinhdaihocnam2021>

### 8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

- Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2020, 2021.
- Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2020, 2021 kết hợp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

### 8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Lĩnh vực/ Ngành đào tạo	Năm tuyển sinh 2020				Năm tuyển sinh 2021			
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
			Tổ hợp B00	Tổ hợp A00			Tổ hợp B00	Tổ hợp A00
<b>Lĩnh vực sức khỏe</b>								
Y khoa	300	317	28.45	-	300	316	28.20	-
Y khoa (kết hợp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	100	97	27.70	-	100	103	27.65	-
Y học dự phòng	120	124	21.95	-	120	119	23.90	-
Y học cổ truyền	190	210	25.00	-	190	188	25.20	-
Dược học	412	458	26.20	26.20	420	427	26.25	26.25
Dược học (kết hợp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	138	116	24.20	24.20	140	139	24.50	24.50
Điều dưỡng	135	177	23.65	-	145	193	24.10	-
Điều dưỡng (kết hợp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	45	01	21.65	-	50	8	22.80	-

Lĩnh vực/ Ngành đào tạo	Năm tuyển sinh 2020				Năm tuyển sinh 2021			
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
			Tổ hợp B00	Tổ hợp A00			Tổ hợp B00	Tổ hợp A00
Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	120	125	23.50	-	120	132	24.15	-
Hộ sinh (chỉ tuyển nữ)	120	130	22.50	-	120	118	23.25	-
Dinh dưỡng	72	82	23.40	-	80	78	24.00	-
Răng - Hàm - Mặt	90	96	28.00	-	90	91	27.65	-
Răng - Hàm - Mặt (kết hợp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	30	30	27.10	-	30	32	27.40	-
Kỹ thuật phục hình răng	40	42	24.85	-	40	41	25.00	-
Kỹ thuật xét nghiệm y học	150	173	25.35	-	165	164	25.45	-
Kỹ thuật hình ảnh y học	80	96	24.45	-	85	77	24.80	-
Kỹ thuật phục hồi chức năng	80	93	23.50	-	80	74	24.10	-
Y tế công cộng	90	53	19.00	-	90	76	22.00	-
<b>Tổng</b>	<b>2312</b>	<b>2420</b>			<b>2365</b>	<b>2376</b>		

### 9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Y khoa	7720101	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	1976	2021
2	Y học dự phòng	7720110	801/QĐ-BGDĐT	22/02/2008	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	2008	2021
3	Y học cổ truyền	7720115	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	1987	2021
4	Dược học	7720201	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	1976	2021
5	Điều dưỡng	7720301	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	1996	2021
6	Hộ sinh	7720302	1242/QĐ-BGDĐT	09/04/2021	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	2021	2021
7	Dinh dưỡng	7720401	2157/QĐ-BGDĐT	26/06/2017	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	2018	2021
8	Răng - Hàm - Mặt	7720501	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	1976	2021
9	Kỹ thuật phục hình răng	7720502	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	2002	2021
10	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	1996	2021
11	Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	2000	2021
12	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	2000	2021
13	Y tế công cộng	7720701	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	1999	2021

**10. Điều kiện đảm bảo chất lượng (Phụ lục 1)**

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của trường:

<https://tinyurl.com/DieukienDambaoshatluong>

**11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của trường:**

<https://ump.edu.vn/tuyen-sinh-dao-tao/dai-hoc/thong-bao/4119/de-an-tuyen-sinh-trinh-do-dai-hoc-nam-2022>

<https://ump.edu.vn/tuyen-sinh-dao-tao/dai-hoc/tuyen-sinh/4119/de-an-tuyen-sinh-trinh-do-dai-hoc-nam-2022>

<https://ump.edu.vn/tin-tuc-su-kien/thong-bao/de-an-tuyen-sinh-trinh-do-dai-hoc-nam-2022/4119>

## II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

### 1. Tuyển sinh chính quy đại học

#### 1.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

##### a). Đối tượng dự tuyển

Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

##### b). Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào (hay ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào) do Hội đồng tuyển sinh Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh quy định.

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

#### 1.2. Phạm vi tuyển sinh: Các ngành, lĩnh vực và hình thức đào tạo theo phương thức tuyển sinh của Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

#### 1.3. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022.

Nhà trường **không sử dụng** điểm thi được bảo lưu từ Kỳ thi tốt nghiệp THPT, THPT quốc gia các năm trước để xét tuyển.

#### 1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.	Đại học	7720101	Y khoa	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	280	B00	-	-	-
2.	Đại học	7720101_02	Y khoa (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	100	Kết hợp sơ tuyển CCTA (**)	120	B00	-	-	-

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
3.	Đại học	7720110	Y học dự phòng	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	84	B00	-	-	-
4.	Đại học	7720110_02	Y học dự phòng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	100	Kết hợp sơ tuyển CCTA (**)	36	B00	-	-	-
5.	Đại học	7720115	Y học cổ truyền	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	140	B00	-	-	-
6.	Đại học	7720115_02	Y học cổ truyền (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	100	Kết hợp sơ tuyển CCTA (**)	60	B00	-	-	-
7.	Đại học	7720201	Dược học	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	392	B00	-	A00	-
8.	Đại học	7720201_02	Dược học (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	100	Kết hợp sơ tuyển CCTA (**)	168	B00	-	A00	-
9.	Đại học	7720301	Điều dưỡng	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	147	B00	-	-	-
10.	Đại học	7720301_04	Điều dưỡng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	100	Kết hợp sơ tuyển CCTA (**)	63	B00	-	-	-
11.	Đại học	7720301_03	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	120	B00	-	-	-
12.	Đại học	7720302	Hộ sinh (chỉ tuyển nữ)	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	120	B00	-	-	-
13.	Đại học	7720401	Dinh dưỡng	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	56	B00	-	-	-
14.	Đại học	7720401_02	Dinh dưỡng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	100	Kết hợp sơ tuyển CCTA (**)	24	B00	-	-	-
15.	Đại học	7720501	Răng - Hàm - Mặt	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	84	B00	-	-	-

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
16.	Đại học	7720501_02	Răng - Hàm - Mặt (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	100	Kết hợp sơ tuyển CCTA (**)	36	B00	-	-	-
17.	Đại học	7720502	Kỹ thuật phục hình răng	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	28	B00	-	-	-
18.	Đại học	7720502_02	Kỹ thuật phục hình răng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	100	Kết hợp sơ tuyển CCTA (**)	12	B00	-	-	-
19.	Đại học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	165	B00	-	-	-
20.	Đại học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	90	B00	-	-	-
21.	Đại học	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	88	B00	-	-	-
22.	Đại học	7720701	Y tế công cộng	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	63	B00	-	-	-
23.	Đại học	7720701_02	Y tế công cộng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	100	Kết hợp sơ tuyển CCTA (**)	27	B00	-	-	-
			<b>Tổng cộng</b>			<b>2403</b>				

**Ghi chú:** \* : Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

\*\* : Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

### 1.5. Ngưỡng đầu vào

Ngưỡng chất lượng đầu vào do Hội đồng tuyển sinh Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh quy định.



## 1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường

### 1.6.1. Thông tin về các ngành dự tuyển

Stt	Mã trường	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)			Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2	
				Xét tuyển dựa trên KQ Kỳ thi THPT	Tuyển thẳng	Dự bị đại học	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
1.	YDS	7720101	Y khoa	260	20	-	B00	-	-	-
2.	YDS	7720101_02	Y khoa (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	120	-	-	B00	-	-	-
3.	YDS	7720110	Y học dự phòng	77	6	1	B00	-	-	-
4.	YDS	7720110_02	Y học dự phòng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	36	-	-	B00	-	-	-
5.	YDS	7720115	Y học cổ truyền	128	10	2	B00	-	-	-
6.	YDS	7720115_02	Y học cổ truyền (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	60	-	-	B00	-	-	-
7.	YDS	7720201	Dược học	362	28	2	B00	-	A00	-
8.	YDS	7720201_02	Dược học (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	168	-	-	B00	-	A00	-
9.	YDS	7720301	Điều dưỡng	135	10	2	B00	-	-	-
10.	YDS	7720301_04	Điều dưỡng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	63	-	-	B00	-	-	-
11.	YDS	7720301_03	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	113	6	1	B00	-	-	-
12.	YDS	7720302	Hộ sinh (chỉ tuyển nữ)	112	6	2	B00	-	-	-
13.	YDS	7720401	Dinh dưỡng	51	4	1	B00	-	-	-

Stt	Mã trường	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)			Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2	
				Xét tuyển dựa trên KQ Kỳ thi THPT	Tuyển thẳng	Dự bị đại học	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
14.	YDS	7720401_02	Dinh dưỡng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	24	-	-	B00	-	-	-
15.	YDS	7720501	Răng - Hàm - Mặt	78	6	-	B00	-	-	-
16.	YDS	7720501_02	Răng - Hàm - Mặt (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	36	-	-	B00	-	-	-
17.	YDS	7720502	Kỹ thuật phục hình răng	25	2	1	B00	-	-	-
18.	YDS	7720502_02	Kỹ thuật phục hình răng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	12	-	-	B00	-	-	-
19.	YDS	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	155	8	2	B00	-	-	-
20.	YDS	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	85	4	1	B00	-	-	-
21.	YDS	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	83	4	1	B00	-	-	-
22.	YDS	7720701	Y tế công cộng	58	4	1	B00	-	-	-
23.	YDS	7720701_02	Y tế công cộng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	27	-	-	B00	-	-	-
			<b>Tổng cộng</b>	<b>2268</b>	<b>118</b>	<b>17</b>				

### 1.6.2. Tổ hợp xét tuyển

- Ngành Dược học: gồm 2 tổ hợp

- Tổ hợp B00: Toán, Hóa học, Sinh học
- Tổ hợp A00: Toán, Vật lí, Hóa học

Cả hai tổ hợp được xét tuyển chung với nhau, không quy định điểm chênh lệch giữa các tổ hợp.

- Các ngành còn lại chỉ xét tổ hợp B00: Toán, Hóa học, Sinh học.

### 1.6.3. Điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Trong trường hợp số lượng thí sinh đạt điểm trúng tuyển vượt quá số lượng dự kiến thí sinh nhập học theo chỉ tiêu được phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho từng ngành đào tạo của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh do bằng nhau về điểm xét tuyển, Nhà trường áp dụng ưu tiên thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn.

## 1.7. Tổ chức tuyển sinh

### 1.7.1. Đăng ký xét tuyển

Thời gian đăng ký bắt đầu sau kỳ thi tốt nghiệp THPT và kết thúc sau khi có kết quả thi và xét tốt nghiệp THPT.

Thí sinh thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống (qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành, sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

### 1.7.2. Tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo

- Ngành Dược học: gồm 2 tổ hợp

- B00: bài thi Toán, môn thi Hóa học và môn thi Sinh học.
- A00: bài thi Toán, môn thi Vật lí và môn thi Hóa học.

- Các ngành còn lại chỉ xét tổ hợp B00: bài thi Toán, môn thi Hóa học và môn thi Sinh học.

### 1.7.3. Phương thức xét tuyển

Nhà trường xét tuyển theo 02 phương thức độc lập nhau. Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển cả hai phương thức.

Thí sinh đã trúng tuyển sẽ không được tham gia xét tuyển bởi các phương thức tuyển sinh khác.

*1.7.3.1. Phương thức 1: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 (đối với tất cả các ngành đào tạo)*

#### a) Điều kiện xét tuyển

Các thí sinh có tổng điểm thi của 3 bài thi/môn thi Toán, Hóa học, Sinh học hoặc Toán, Vật lí, Hóa học và các điểm ưu tiên (nếu có) phải bằng hoặc trên mức điểm tối thiểu ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Hội đồng tuyển sinh Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh quy định.

*b) Chỉ tiêu*

Được xác định của từng ngành, sau khi trừ số học sinh được xét theo phương thức khác (bao gồm số học sinh được xét tuyển thẳng và số học sinh dự bị đại học của các trường Dự bị đại học phân bổ về trường), số thí sinh trúng tuyển theo phương thức xét tuyển kết hợp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (phương thức 2) (mục 1.6.1).

*1.7.3.2. Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (chỉ áp dụng với một số ngành)*

*a) Điều kiện xét tuyển*

- Các thí sinh có tổng điểm thi của 3 bài thi/môn thi Toán, Hóa học, Sinh học hoặc Toán, Vật lí, Hóa học và các điểm ưu tiên (nếu có) phải bằng hoặc trên mức điểm tối thiểu ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Hội đồng tuyển sinh Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh quy định.

- Thí sinh nộp bản sao chứng thực chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng Đào tạo Đại học – số 217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh) (*trực tiếp* hoặc *chuyển phát nhanh, ưu tiên* qua đường bưu điện) từ ngày 01/7/2022 đến trước 17g00 ngày 13/7/2022.

Thí sinh phải gửi sớm và đảm bảo Trường nhận được trước 17g00 ngày 13/7/2022. Trường sẽ không giải quyết đối với hồ sơ đến sau 17g00 ngày 13/7/2022.

- Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn từ ngày 01/7/2020 đến ngày 13/7/2022.

Thí sinh đạt **IELTS Academic 6.0** trở lên hoặc **TOEFL iBT 80** trở lên đăng ký xét tuyển vào các ngành:

- + Y khoa;
- + Y học dự phòng;
- + Y học cổ truyền;
- + Dược học;
- + Răng – Hàm – Mặt.

Thí sinh đạt **IELTS Academic 5.0** trở lên hoặc **TOEFL iBT 61** trở lên đăng ký xét tuyển vào các ngành:

- + Điều dưỡng;
- + Dinh dưỡng;
- + Kỹ thuật phục hình răng;
- + Y tế công cộng.

Đơn vị cấp chứng chỉ:

- IELTS: British Council (BC); International Development Program (IDP)
- TOEFL iBT: Educational Testing Service (ETS)

Nhà trường sẽ kiểm tra chứng chỉ tiếng Anh quốc tế **bản gốc** khi thí sinh nhập học, nếu thí sinh không đảm bảo điều kiện như quy định sẽ bị loại ra khỏi danh sách trúng tuyển.

*b) Chỉ tiêu: 30%* chỉ tiêu của từng ngành (mục 1.6.1).

### 1.7.3.3. Nguyên tắc xét tuyển chung của 2 phương thức

- Điểm xét tuyển: là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của tổ hợp xét tuyển B00 hoặc A00 cộng với điểm ưu tiên khu vực, đối tượng theo quy định và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

**Điểm xét tuyển = tổng điểm các bài thi/môn thi (a) + các điểm ưu tiên (b)**

(a) = điểm bài thi Toán + điểm môn thi Sinh học + điểm môn thi Hóa học

**hoặc:**

(a) điểm bài thi Toán + điểm môn thi Vật lí + điểm môn thi Hóa học

(b) = điểm ưu tiên khu vực, đối tượng

- Điểm trúng tuyển: là điểm xét tuyển thấp nhất mà thí sinh được xét trúng tuyển cho ngành đào tạo phù hợp với số lượng chỉ tiêu đã công bố, nhưng không thấp hơn ngưỡng đầu vào.

Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm, khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

Các mức điểm ưu tiên tương ứng với tổng điểm 3 bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi (không nhân hệ số).

Điểm trúng tuyển của các thí sinh ở phương thức 2 không được thấp hơn điểm trúng tuyển ở phương thức 1 trong cùng 1 ngành là 2,0 điểm.

Hội đồng tuyển sinh sẽ lập danh sách thí sinh đăng ký xét tuyển của từng ngành theo thứ tự giảm dần của điểm xét tuyển. Danh sách thí sinh trúng tuyển được chọn theo điểm xét tuyển, tuân tự từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách, Trường ưu tiên thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn.

### 1.7.4. Thông báo kết quả và xác nhận nhập học

- Trường công bố kết quả trúng tuyển đợt 1 trước 17 giờ 00 ngày 17/9/2022.

- Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học bằng hình thức **trực tuyến** trên Hệ thống trước 17 giờ 00 ngày 30/9/2022.

- Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định, nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Trường có quyền không tiếp nhận;

Thí sinh đã xác nhận nhập học tại Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh thì không được tham gia xét tuyển ở nơi khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung.

## 1.8. Chính sách ưu tiên

### 1.8.1. Xét tuyển thẳng

#### a) Đối tượng xét tuyển thẳng

Đối tượng tuyển thẳng vào đại học được xét theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể như sau:

a<sub>1</sub>. Thí sinh thuộc diện Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào học đại học một trong tất cả các ngành.

a<sub>2</sub>. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia, thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng, đã tốt nghiệp THPT:

**Môn Sinh học:**

- **Giải nhất:** được tuyển thẳng vào học đại học ngành Y khoa hoặc Răng - Hàm - Mặt;
- **Giải nhất, nhì, ba:** được tuyển thẳng vào học đại học một trong các ngành Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Điều dưỡng, Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức, Hộ sinh, Y tế công cộng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hình răng, Dinh dưỡng.

**Môn Hóa học:**

- **Giải nhất:** được tuyển thẳng vào học đại học ngành Dược học;
- **Giải nhất, nhì, ba:** được tuyển thẳng vào học đại học ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học.

**Môn Vật lý:**

- **Giải nhất:** được tuyển thẳng vào học đại học ngành Dược học.

a<sub>3</sub>. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong cuộc thi Khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia, thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng, đã tốt nghiệp THPT có dự án hoặc nội dung đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến:

***Lĩnh vực y, sinh học và nội dung đề tài phù hợp với ngành đào tạo:***

- **Giải nhất:** được tuyển thẳng vào học đại học ngành Y học cổ truyền, Y học dự phòng;
- **Giải nhất, nhì, ba:** được tuyển thẳng vào học đại học một trong các ngành Điều dưỡng, Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức, Hộ sinh, Y tế công cộng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hình răng, Dinh dưỡng.

***Lĩnh vực hóa học, dược học và nội dung đề tài phù hợp với ngành đào tạo:***

- **Giải nhất, nhì, ba:** được tuyển thẳng vào học đại học ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học.

Việc xác định nội dung đề tài nghiên cứu khoa học liên quan và phù hợp với ngành đào tạo do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

***b) Chỉ tiêu tuyển thẳng***

Chỉ tiêu tuyển thẳng của từng ngành được ghi tại mục 1.6 của đề án tuyển sinh.

***c) Phương án xét tuyển thẳng***

Trong trường hợp số lượng thí sinh nộp vào từng ngành vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh tại mục 1.6, Nhà trường sẽ xét ưu tiên lần lượt theo thứ tự các đối tượng từ mục a<sub>1</sub> đến mục a<sub>3</sub> cho đến khi đủ chỉ tiêu.

Nhà trường tổ chức xét tuyển thẳng thí sinh theo quy định, cập nhật danh sách trúng tuyển vào cơ sở dữ liệu của Công thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và gửi kết quả xét tuyển thẳng cho thí sinh trúng tuyển trước 17 giờ 00 ngày 21/7/2022.

*d) Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng*

Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển thẳng theo đường chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng Đào tạo Đại học – số 217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh) **trước ngày 15/7/2022.**

Hồ sơ xét tuyển thẳng gồm các giấy tờ sau:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng vào đại học chính quy tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh năm 2022 (Phụ lục 2);
- Danh sách thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia đăng ký tuyển thẳng đại học chính quy năm 2022 (Phụ lục 3);
- Danh sách thí sinh đoạt giải trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia đăng ký tuyển thẳng đại học chính quy năm 2022 (Phụ lục 4);
- Danh sách thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng vào Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh năm 2022 (Phụ lục 5);
- Bản sao công chứng các chứng nhận đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia.

Thí sinh trúng tuyển xét tuyển thẳng xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống từ ngày **22/7 đến 17 giờ 00 ngày 20/8/2022.**

Quá thời hạn trên, thí sinh không xác nhận nhập học theo đúng quy định xem như từ chối nhập học.

1.8.2. *Ưu tiên xét tuyển:* không có.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: Nhà trường sẽ thông báo theo quy định chung và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy

<b>TT</b>	<b>Tên ngành</b>	<b>Học phí dự kiến (VNĐ)</b>
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>
1	Y khoa	74.800.000
2	Y học dự phòng	41.800.000
3	Y học cổ truyền	41.800.000
4	Dược học	55.000.000
5	Điều dưỡng	37.000.000
6	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	37.000.000

<b>TT</b>	<b>Tên ngành</b>	<b>Học phí dự kiến (VNĐ)</b>
7	Hộ sinh	37.000.000
8	Dinh dưỡng	37.000.000
9	Răng - Hàm - Mặt	77.000.000
10	Kỹ thuật phục hình răng	37.000.000
11	Kỹ thuật xét nghiệm y học	37.000.000
12	Kỹ thuật hình ảnh y học	37.000.000
13	Kỹ thuật phục hồi chức năng	37.000.000
14	Y tế công cộng	37.000.000

Lộ trình dự kiến tăng học phí tối đa 10% cho từng năm

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

1.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

1.13.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo

1.13.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học (không trái các quy định hiện hành)

1.14. Tài chính

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 256.870.000.000 đồng.

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm 2021: 22.320.994,091 đồng.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 6 năm 2022

**CÁN BỘ KÊ KHAI**

Họ tên: Nguyễn Ngọc Khôi

Số điện thoại: 0903537782

Email: nnkhôi@ump.edu.vn

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Hoàng Bắc**